DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 10 (Phần Đầu)

BẢN LUẬN QUYỂN 38

PHẨM BỒ-ĐỀ.

Tức phẩm thứ năm trong năm phẩm Học xứ, pháp thứ bảy trong bảy pháp. Bồ-đề. Hán là Giác. Ở phẩm này sẽ nói rộng về nghĩa quả đức Bồ-đề, gọi là Bồ-đề. Ba là nói về tâm, bốn là nêu ra, năm là không có gì trên. Bồ-đề vô thượng nói ở đây.

Đã chứng chân thật, hiện đại thần thông thành tựu mình người, phải có quả chứng. Cho nên, sau phẩm thành thục là đến phẩm Bồ-đề này.

Trong văn có ba:

1- Y cứ ở năm môn, nhằm phát ra thể Bồ-đề.

2- Kết các thuyết, khuyên biết rõ.

3- Ba câu ở cuối phẩm, khen ngợi Bồ-đề.

Về văn của năm môn đầu, được chia làm năm:

1- "Y cứ ở trí đoạn, nêu ra thể Bồ-đề v.v... " trở xuống, gọi là tự tánh.

2- Y cứ ở hơn hết để nói về Bồ-đề.

3- Dựa vào công đức tùy niệm mười hiệu, để nói về Bồ-đề.

4- Y cứ ở công đức xuất hiện, để nói về Bồ-đề.

5- Y cứ vào đức khác nhau để nói về Bồ-đề.

Trong phần trước lại có ba:

1- Y cứ ở hai trí, hai đoạn.

2- Y cứ ở ba trí, hai đoạn.

3- Y cứ ở đức cộng, bất cộng.

Hai đoạn, hai trí gọi là Bồ-đề. Pháp sư Thái nói: "Như chín đoạn là quả trí, nên gọi là trí. Hai đoạn cũng là quả Bồ-đề, nên gọi là Bồ-đề".

Luận sư Trắc nói: "Hỏi: "Bồ-đề Hán dịch là giác, hai thứ Thể vô vi chẳng phải giác, sao gọi là Bồ-đề".

Giải thích: "Như Phẩm thù thắng thứ mười của Luận Nhiếp Đại thừa nói là đầy đủ ba thân trí thù thắng, ở đây cũng với hai thứ trí, đoạn như thế, đều gọi là Trí. Vì sao? Vì trong Chân như đầy đủ tất cả tánh công đức như số cát sông Hằng, thuận theo các môn công đức của chủ thể sinh tu, sinh trí v.v... nên gọi là giác, chứ chẳng phải vì "duyên" soi rọi, nên gọi là Giác".

Tam Tạng Chân Đế nói "Có trí Bản giác, Duyên theo lý bình đẳng, tức là kinh Kim Quang Minh nói chỉ có "Như chiếu", chỉ có "Như trí", đó là Pháp thân."

Nay, Ngài Tam Tạng nói là thuyết này không đúng. Vì, nhân không, Pháp "không", đã làm rạng tỏ Chân như, chẳng phải thể của thức, làm sao có thể soi rọi?

Nói, "Như chiếu", nói "Như trí", gọi là pháp thân, là nêu trí, nhằm làm sáng tỏ Chân như, gọi là pháp thân, chẳng phải tức trí Chân Như , gọi là Pháp thân.

Nói Hai trí, tức là trí "Nhân không" và Trí "Pháp không".

Trong ba Trí, hai Đoạn, trước là nêu tên ba Trí, hai Đoạn.

"Tất cả phiền não đều là các tập khí vĩnh viễn hại. Nghĩa là chướng phiền não dứt, khắp tất cả hạt giống không nhiễm vô minh. Dứt hẳn không còn thừa, nghĩa là chướng sở tri dứt.

Trong giải thích thứ lớp, chỉ giải thích ba Trí, không giải thích về hai đoạn.

Luận sư Trắc nói: "Dứt trừ chướng phiền não và tập khí, gọi là trí thanh tịnh, tức là trí Chánh thể. Trong dứt trừ tất cả sự, vì không nhiễm ô "không có biết", nên gọi là Trí Nhất Thiết , tức là trí Hậu Đắc."

Nói Trí không có dính mắc, có hai cách giải thích:

1/ "Tức tác dụng của hai trí trước, vì mạnh mẽ, nhạy bén, nên gọi là Trí không có dính mắc".

2/ Giải thích: "Chỉ y cứ ở nghĩa mạnh mẽ, nhạy bén của tác dụng trên trí Hậu Đắc, nên nói là không có dính mắc, vì không có tự thể riêng".

Nói: "Tất cả phiền não", nghĩa là một trăm hai mươi tám phiền não và hai mươi Tùy phiền não, cùng các tập khí, Cựu luận chép: "Vì dứt trừ hạt giống chánh sử của Phẩm thô, nên có hạt giống phẩm Tế của tập khí tàn thừa."

Thuyết này nói không đúng. Nay, nói: "Tập khí nghĩa là do hạt

giống phiền não, nên trong thân không có tánh chịu đựng, cũng gọi là tập khí, với thân năm uẩn "chẳng phải một", "chẳng phải khác", vì chúng không có tự thể riêng, nên không thể nói là "khác". Dứt trừ tập khí thô, nặng xong, vì năm uẩn không diệt, nên không thể nói là "một", gọi là tập khí."

Nói "Trí nhất thiết. Nghĩa là theo các kinh luận, Trí Nhất Thiết chủng là Tục trí; Trí Nhất Thiết là Chân trí. Nếu theo kinh, luận do Tam Tạng Chân Đế dịch thì Trí như Lý, gọi là trí Nhất Thiết chủng, vì pháp giới chân như là duyên chủng nhân của tất cả pháp. chủng nhân, gọi là Nhất Thiết chủng trí, là từ cảnh được tên. Như luận Câu-xá nói: "trí Nhất Thiết chủng diệt các tối tăm, nếu tục trí thì gọi là Nhất thiết."

Nay, dựa vào văn này, "duyên" theo chân trí, gọi là trí thanh tịnh; "duyên" theo tục trí, gọi là trí nhất thiết. Trong đức cộng, bất cộng, đại khái có hai đường:

1- Y cứ ở thân thành thục, nghĩa là chỉ có thân Phật thành tựu công đức. Hàng Nhị thừa không được gọi là bất cộng. Như trong đây nói ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp v.v... Nếu hàng Nhị thừa cũng thành tựu; thì nói là chung. Như trong đây nói là vô tránh nguyện trí, vô ngại giải v.v...

2- Y cứ vào thuyết, nếu giáo pháp của Đại, Tiểu thừa đồng nói về đức của Phật thì gọi là công đức chung; nghĩa là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hảo v.v... Nếu chỉ trong Đại thừa nói về công đức của chư Phật, còn hàng Tiểu thừa chẳng đề cập thì gọi là không chung, như tuệ rất thanh tịnh của hai mươi công đức trong Nhiếp Luận v.v... Lại, dựa theo đức của kinh Vô Thượng y, để nói về một trăm tám mươi pháp không chung của đức Như lai, (như kinh đó có nói rộng).

Trong y cứ bảy thứ vượt hơn hết, để nói về Bồ-đề, xưa, gọi là vô thượng, nay gọi là Tối thắng (hơn hết). Tối thắng, vô thượng, được giải thích lẫn nhau: do vô thượng, cho nên (sở dĩ) tối thắng; do tối thắng, cho nên vô thượng. Nhưng, theo nghĩa của bản Phạm, phải là Tối thắng, trong đó có bốn:

1- Nêu số lượng để khen vượt hơn.

2- Nêu bảy tên gọi.

3- Dựa vào danh để giải thích.

4- Thay đổi tên để giải thích khác nhau.

Sở y vượt hơn. Cựu luận gọi là "thân vô thượng." Trong luận Trí Độ nói: "Bồ-đề của các Thanh văn cũng dựa vào không đầy đủ mà được. Bồ-đề của Độc-Giác hoặc nương tựa thân tất cả thân mà được,

cho đến đôi khi dựa vào ba mươi mốt thân tướng mà được, không có nương tựa đủ ba mươi hai tướng mà được, chỉ Bồ-đề Phật là nương tựa thân đủ ba mươi hai tướng trang nghiêm , được gọi là Sở Y vượt hơn.

Bốn viên mãn. Nghĩa là ba nhóm luật nghi, gọi là giới viên-mãn. Vì không có tà-Kiến, nên gọi là Kiến-Viên-Mãn. Oai nghi đi, đứng v.v... gọi là quỷ tắc viên-mãn. Không có tà-mạng xin cầu và nói pháp v.v... gọi là Tịnh mạng viên-mãn.

Trong trụ hơn hết, đầu tiên, lập ra hai chương: Do các Như lai phân nhiều trụ là chương thứ nhất. ba trụ Vô thượng, Vô-Đẳng v.v... là chương thứ hai.

Trong các giải thích trở xuống: 1- Nêu tên của ba Trụ. 2- "Phải biết rằng v.v... " trở xuống, trong giải thích chương, trước, giải thích chương hai, hai là trong ba trụ này trở xuống là giải thích lại chương đầu. Môn Ba không và Diệt định, gọi là Thánh trụ. Nghĩa là chỉ có Thánh trụ được gọi là Thánh Trụ, cho nên nói đức Như lai trụ ba không hạnh và trụ Diệt-định. Bốn thiền, Bốn không là chủng loại trời, là nhân sanh cõi Trời. Đức Phật trụ nhân cõi trời, nên gọi là Thiên-Trụ. Người dù được định, nhưng không thọ báo của định thì không gọi là Nhân Trụ. Bốn vô lượng chia ra đạo Phạm-Thiên, được báo của Phạm Thiên, phần nhiều là Phạm Trụ. Trong Thánh Trụ, đa số người trụ không và diệt định. Nếu trụ vô nguyện, thì nhàm chán Y tha. Nếu trụ vô tướng, thì ưa thích chân thật. Nay trụ không, tức dứt trừ sự nhàm chán, ưa thích. Nếu nhập diệt định, thì duyên lự đều thôi dứt. Định, Tuệ của ba Địa dưới, phần nhiều định ít, định của Bốn "không", đa số tuệ ít, chỉ có định, tuệ của định thứ lớp đều đồng với đức Như lai là nhiều trụ.

Trong bốn Phạm Trụ, ý Như lai phần nhiều gồm thâu khổ, nên trụ Đại bi.

"Ngày, đêm sáu thời v.v... " trở xuống, là giải thích rõ về ý trụ Đại bi. Như Luận Trí Độ của Bồ-tát Long Thọ chép: "Trên ba trụ trước, thêm một Phật trụ là bốn Phật trụ, nghĩa là Thủ-lăng-Nghiêm với vô lượng Tam-muội và các pháp bất cộng như , mười lực, bốn vô úy v.v... của Đức Phật, đều là Phật trụ. Hoặc chia mười sáu Thiên trụ có tám, nghĩa là cõi Sắc bốn, Vô Sắc bốn. Phạm Vương có bốn, tức bốn vô lượng. Địa vị Thánh có bốn, tức diệt định, vô nguyện v.v... nên có mười sáu, tức vô lượng, như Luận Trí Độ kia nói, thứ ba nói trong mười Hiệu, Pháp sư Cơ nói: "Mười Hiệu gọi là Tùy niệm công đức, tùy niệm của chúng sinh mà được công đức nên gọi là Tùy niệm công đức. Nói Thể của Đức Thế Tôn chỉ là một, có mười danh hiệu. Nếu như nay, Tam Tạng xếp một hiệu sau

là hiệu chung thì chín hiệu trước là danh hiệu riêng.

Theo hiệu riêng, thì ba hiệu đầu có cả hai lợi; ba hiệu giữa chỉ lợi mình; ba hiệu sau chỉ lợi người.

Nếu vậy, như hiệu đầu và thứ ba chỉ nói về thắng nghĩa của pháp giác của lời nói không có luống dối thì chỗ nào nói về lợi ích?

Vì từng lời không có luống dối, không nói đơn độc, mà phải có người thọ lãnh, cho nên trong Như lai cũng có lợi người v.v... so sánh sẽ biết. Dưới đây trong lợi người cũng có lợi mình, nghĩa là so sánh giải thích, có thể như thế. Nếu như xưa Pháp sư Viễn nói chín hiệu riêng, năm hiệu trước là danh của đức mình; bốn hiêu kế là hiệu của lợi người thì lẽ ra là lợi người sao lại nói là đức mình? Lại trong năm hiệu trước, mỗi hiệu là hai cặp:

1- Nêu đạo viên mãn.

2- Quán diệt cùng cực.

Nói về hai nhân của Chỉ, Quán ban đầu và một quả đức sau. Nay nếu nói theo nghĩa, thì lẽ ra chỉ có nghĩa Ứng lợi, chứ chẳng phải là lợi người, nên cũng lợi mình.

Luận sư Trắc nói: "Mười hiệu như thế, được danh có bảy: ba hiệu Như lai, Ứng Cúng, Thiện thệ từ nhân mà được Danh; Chánh Đẳng Giác từ Dụng và Thể được Danh; Minh hạnh viên mãn, từ đức và thắng nghĩa được Danh; Thế gian giải và Thiên, Nhân sư là từ Cảnh và Dụng được Danh. Vô thượng trượng phu, Điều Ngự Sĩ, là từ giả Nhân và Dụng được danh. Phật, là từ đương thể được danh. Bạc-Già từ nhiều nghĩa được Danh, nghĩa là sáu nghĩa: như Tự tại v.v... như Luận Phật Địa nói."

Nói: "Không có luống dối, gọi là Như lai", Cựu Luận chép: "Chẳng có nói luống dối, nên gọi là Như lai. Hoặc như luận Trí Độ, luận Thành Thật nói: "Nương đạo như thật mà đến thành Chánh giác", nên gọi là Như lai."Kinh Niết-bàn chép: Nương sáu Ba-la-mật, mười một Không mà đến, nên nói là Như lai". Đại Phẩm Bát-nhã nói: "Vì nhân Tát Bát-nhã đến, hóa độ chúng sinh, nên gọi là Như lai". Kinh Kim cương Bát-nhã nói: "Không có từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên gọi là Như lai".

Hỏi: "Nếu nói không có luống dối, gọi là Như lai thì Đức Phật vốn do nhân duyên phát nguyện: "Nếu các chúng sinh không nhập Niết-bàn, thì ta cũng không nhập. Nếu mọi chúng sinh không được Bồ-đề, thì ta cũng sẽ không chưng". Dù Đức Phật phát nguyện này, nhưng các chúng sinh không tự Niết-bàn, không được Bồ-đề, Đức Phật bỏ chúng sinh, tự nhập Niết-bàn và chứng Bồ-đề, thì sao được gọi là lời nói không

có luống dối?"

Luận sư Cảnh đáp: "Về mặt đạo lý cũng khó, một là nói phát tâm căn bản dù có nguyện này, nhưng từ đây về sau, quán Bồ-tát dù lợi ích mà không bằng Phật. Nếu không thành Phật thì sự nghiệp lợi người sẽ không rộng, vì thế phải thành Phật đạo, chỉ vì các chúng sinh không nhập vô dư, cuối cùng, không nhập Niết-bàn vô dư , nên không có luống dối".

Lại, có thuyết nói: "Phát tâm căn bản, thệ độ chúng sinh, không được Bồ-đề, ta thề sẽ không chứng". Nay, các Bồ-tát dù công hạnh Thập địa đã hoàn thành nhưng không thủ chứng, như Bồ-tát Văn-Thù v.v... tức Kinh Lăng-già nói: "Xiển-đề có hai hạng:

1- Dứt thiện căn.

2- Bồ-tát Xiển-Đề rốt ráo không nhận lấy Chánh Đẳng Giác Vô thượng Bồ-đề. Luận sư Trắc nói: "Ở đây lấy trí chánh thể làm Thể. Về sau, nói là Thế gian giải lấy trí Hậu Đắc làm Thể.

Nay, giải thích: "Cũng có thể Chánh Trí, gọi là Chánh Giác; Hậu trí gọi là Đẳng giác."

Nói "Như Thắng nghĩa kia". Nghĩa là Y tha, Chân thật, gọi chung là Thắng nghĩa, do đối với tính Biến kế sở chấp vì có pháp, nên nói là y tha cũng gọi là Thắng nghĩa.

Minh, là ba Minh; Hạnh như kinh nói. Hai phẩm v.v... Chỉ, Quán, như Cựu Luận nói: "Ba minh, như kinh nói. Hạnh là hai phẩm của các Chỉ, Quán. Nay luận trái với kinh ấy, do đối trị với ngu ba đời, nên gọi là ba minh."

Hỏi: "Phàm phu, người hữu Học, La-hán, Bích-chi, Bồ-tát và Chư Phật đều biết quá khứ, vì sao có minh, chẳng phải minh, có lực, chẳng có ực?"

Đáp: "Phàm phu, người hữu Học chỉ biết quả chung, biết quả có cùng tận, nên không được gọi là minh. La-hán, Bích-chi Phật không bằng Chư Phật nhân, quả đều biết, soi rọi pháp cùng khắp, đều gọi là Minh. Tám muôn kiếp về trước, đi suốt qua đối tượng không bằng, vẫn còn có không có biết. Không biết đã bị khuất phục, không được gọi là Lực."

Hỏi: "Túc mạng biết quá khứ. Phàm phu, Nhị thừa đồng biết trong tám muôn kiếp, vì sao Thiên Nhãn thấy hiện tại, tức nói là phàm phu thấy bốn thiên hạ; Phạm vương thấy Tiểu Thiên; hàng Thanh văn thấy Nhị Thiên; Bích-chi Phật thấy ba ngàn thế giới ư?"

Luận sư Cảnh nói: "Tác dụng của tuệ kém trong năm thức Thiên

Nhãn, Nhĩ thông, nên tùy theo khí lực của con người thấy cảnh hiện tại, xa, gần, ngăn cách với chung quanh, tùy khả năng thấy xa, gần.

Túc mạng, thông v.v... là ý thức mạnh mẽ biết được tám muôn kiếp."

Có giải thích: "Chỉ chủng tánh Bồ-tát vô sinh, biết được tám muôn kiếp, như Số Luận v.v... chẳng phải phàm phu khác. Tỳ-Bà-Sa quyển một trăm nói về thường kiến, thấy kiếp khác nhau, rằng, chủng tánh Thanh văn nhớ hai muôn kiếp; chủng tánh Độc giác nhớ bốn muôn kiếp, chủng tánh Bồ-tát nhớ tám muôn kiếp."

Trong giải thích Thiên, Nhân sư, là nêu bốn chương, lại dùng nghĩa để giải thích, với chỉ bày rõ ràng về liễu nghĩa, để khai Đạo.

Giải thích là thật nhãn, nên làm chỗ nương tựa cho tất cả nghĩa. Giải thích vì thật trí, nên nghĩa nương tựa trí, rõ ràng là nghĩa đã nương tựa, là chủ thể liễu cho bất liễu nghĩa, nên ngang với bốn trường hợp, giải thích là thật nghĩa:

1- Đức Như lai đối với nghĩa chúng sinh chưa liễu có khả năng quyết liễu.

2- Với nghĩa do chúng sinh cùng sinh ra, có khả năng dứt trừ.

3- Chỗ rất sâu sắc chung của Đệ Nhất nghĩa Đế có khả năng làm rõ.

4- Với người mới chứng rất sâu, lại giúp họ được suốt, sạch. Vì đủ bốn nghĩa này, nên gọi là Thật nghĩa. Vì làm căn bản cho tất cả pháp, nên đồng ba trường hợp, giải thích là Thật pháp.

Pháp là giáo pháp. Đức Như lai là căn bản cho tất cả giáo pháp, là người khai mở, dẫn dắt giáo pháp, vì làm nơi nương tựa cho giáo pháp, cho nên đức Như lai là thật pháp.

Trên, đã nói về công đức của đấng Đại sư, dưới đây, sẽ giải thích về nghĩa của Sư.

Đức Như lai, là người có khả năng truyền trao giáo pháp chân chính cho trời, người v.v... Luận sư Trắc nói: "Nói là Thật nhãn nên "duyên" trí nghĩa; vì là Thật trí nên "duyên" pháp trí; vì Thật nghĩa nên lại trí nghĩa; vì Thật pháp, nên nói lại Pháp Trí v.v...

Về nhóm pháp có khả năng dẫn nhiếp nghĩa lợi có ba. Theo Cựu luận nói: "Nghĩa lợi ích, chẳng phải nghĩa lợi ích; chẳng phải nghĩa không lợi ích. Đây là ba tánh: như Thiện v.v... có khả năng phá tan các ma, có nhiều công đức, được gọi là Bạc-già-phạm. Dựa vào Phẩm, nước phương Tây, cho hiệu này là hơn hết, không luận ngoại đạo và người Phật pháp, đều khen ngợi đức Bản sư là Bạc-già-phạm. Trong đây vì

không có danh từ nào để phiên dịch, nên vẫn giữ nguyên tiếng Phạm. Nếu theo Bản Phạm thì hầu hết tựa đề các kinh đều nói là Bạc-già-phạm, không để là Phật nói, đến sau cuối cũng có hiệu là Thế Tôn.

Theo luận Thành Thật: "Vì có đủ chín đức nói trên, nên gọi là Thế tôn", cũng không hợp lý.

Trong phần nói về xuất hiện, văn chia làm ba:

1/ Nói trong một thế giới, hoặc nhiều kiếp không có Phật, hoặc trong một kiếp có nhiều Đức Phật ra đời.

2/ "Kia kia v.v... trở xuống, là nói về các thế giới mười phương có vô lượng Phật.

3/ "Quyết định không có trong một cõi Phật". Trở xuống, đại ý nói trong một thế giới, không có hai Phật ra đời.

Trong phần trước, hoặc một kiếp có nhiều Phật, nghĩa là trong kiếp hiền có một ngàn vị Phật xuất hiện thế gian, nên luận Trí Độ chép: "Vào lúc thế giới mới hình thành, trên biển hiện ra hoa sen ngàn cánh, cho đến cõi trời A- Ca-Ni-Trá thấy trong nhóm nước có hằng ngàn hoa sen, tức nói rằng, ở kiếp này có một ngàn vị Phật ra đời là bậc Hiền, thiện."

Hỏi: "Nếu một ngàn Đức Phật kia đều xuất hiện trong cùng một kiếp Thành, Hoại, thì vì sao Ngài Chân Đế lại nói rằng kiếp Thành, Hoại, Không, đều chẳng có Phật ra đời, chỉ ở kiếp Trụ có Phật ra đời. Trong mười kiếp trước trong hai mươi kiếp, có Phật ra đời, mười sau không có. Năm kiếp trước trong mười kiếp cũng không có Phật xuất hiện. Trong kiếp thứ sáu đạo Phật Câu-lưu-tôn ra đời; kiếp thứ bảy, có Phật câu-na-hàm-mâu-ni ra đời. Trong kiếp thứ tám, có Phật Ca-diếp ra đời. Trong kiếp thứ chín, Đức Thích-ca xuất hiện thế gian. Trong kiếp thứ mười, Đức Phật Di-lặc sẽ ra đời. Từ kiếp Không trong vô lượng kiếp sau kiếp Di-lặc, sẽ không có Phật ra đời. Cho nên, biết một ngàn vị Phật không được xuất hiện liên tục trong một kiếp thành, hoại. Nếu ở kiếp hiền có một ngàn vị Phật, nói là đồng ở trong một kiếp Thành, Hoại thì cũng trong một kiếp Trang Nghiêm ở quá khứ có một ngàn vị Phật, lẽ ra cũng đồng ở trong một kiếp thành hoại.

Nếu nói là đồng thì không đúng, vì như kinh Quán Dược vương, Dược Thượng Bồ-tát nói: "Phật bảo đại chúng! Xưa kia, khi gặp Đức Phật Diệu Quang, lần đầu tiên phát tâm, nghe nói danh hiệu năm mươi ba vị Phật, ta cảm thấy lòng mình rộn lên niềm vui mừng, liền nói cho người khác nghe, thì có một ngàn người phát tâm Bồ-đề. Cứ như thế, lần lượt dạy bảo, lại còn thêm một ngàn vị phát tâm Bồ-đề! Này người

thiện nam! một ngàn vị đầu tiên, tức một ngàn vị Phật trong kiếp Trang nghiêm ở quá khứ. Ngàn người giữa, tức một ngàn vị Phật trong kiếp hiền . Một ngàn vị sau, tức một ngàn vị Phật trong kiếp Tinh tú ở vị lai, xuất hiện ở thế gian, như kiếp Trang Nghiêm. Ở quá khứ cuối cùng có. Ba vị Phật tức là Phật Tỳ-Bà-Thi, ra đời vào kiếp đầu tiên trong chín mươi kiếp. Như các Đức Phật Thi-khí, Tỳ-Xá-Phù, tức ra đời trong ba mươi hai kiếp. Về sau, không có Phật. Mãi cho đến kiếp thứ chín, mười một, tức là đầu kiếp hiền, mới có Đức Phật Câu-lưu-tôn ra đời trước nhất.

"Đã nói một ngàn vị Phật trong kiếp Trang Nghiêm, ba vị Phật sau cuối trải qua trước sau trong chín mươi kiếp, một ngàn vị Phật trong kiếp hiền lúc ra đời cũng không đồng ở trong một kiếp Thành, Hoại?".

Đáp: "Ông dẫn điều mà ngài Chân Đế phán quyết, chưa đủ làm chứng. Vì sao? Vì phương Tây hiện phán quyết, này chính là hai mươi tiểu kiếp của kiếp Trụ. Tiểu kiếp về trước, có bốn vị Phật ra đời. Bồ-tát Di-lặc sẽ ở đầu kiếp Trụ này. Từ giảm đến lúc tăng tám van tuổi, mới xuất hiện ở thế gian, vì theo Đại thừa phán quyết rằng hai mươi kiếp Trụ đều có một lần tăng, một lần giảm, mới thành một Tiểu kiếp. Nếu căn cơ của các chúng sinh đã thành thục, thì sẽ có duyên gặp Phật. Cứ mỗi Tiểu kiếp, có một ngàn vị Phật ra đời, là không có lỗi, há nói lại có mười chín Tiểu kiếp? Ông dựa vào ngài Chân-Đế mà phán quyết vội rằng: "Trong mười kiếp sau không có Phật ra đời và năm kiếp trước cũng không có Phật, là không hợp lý".

Lại dẫn luận Câu-Xá nói ba vị Phật sau trong kiếp Trang Nghiêm ở chỗ đức Thích-ca, tu nghiệp tướng tốt trước, sau trong chín mươi mốt kiếp, mới ra đời là đủ biết không đồng một loại kiếp có một ngàn vị Phật, thì không đúng. Vì, Đại thừa không nói sau ba tăng-kỳ, đặc biệt trong một trăm kiếp tu nghiệp tướng tốt, mà nói là đức Thích-ca, ba tăng-kỳ đã mãn, lại gặp ba vị Phật kia trong chín mươi mốt kiếp, tu nghiệp tướng tốt ấy, đây là nói thuận với bất liễu nghĩa của Tiểu-thừa, nên không thể dẫn lời ngài Chân-Đế để chứng minh. Cho nên, nay thấy kinh Dược-Vương, Dược-Thượng nói: "Một ngàn vị đầu tiên đồng ở một kiếp Trang-nghiêm ra đời, cũng là một ngàn người trong một kiếp Thủy-hỏa, đồng ở một kiếp Hiền ra đời. Một ngàn vị sau, đồng ở một kiếp Tinh-Tú, ra đời ở thế gian". Lại, tức Khoái Thuận Trí luận đã nói: "Trong kiếp này có một ngàn vị Phật ra đời, như lời ghi nhận của quyển hai ở trước đã nói về nghĩa ấy".

Trong văn thứ hai được chia làm ba:

1/ Sơ lược lập tông, ở nhiều thế-giới lại có nhiều Phật.

2/ "Vì sao?" trở xuống, là hỏi đáp, nói rộng.

3/ Giải thích xong, tổng kết.

Vì sao? Nghĩa là vì sao các thế giới ở mười phương có nhiều vị Phật? Ở đây cũng có ba:

Đầu tiên, hỏi; kế là, giải đáp, sau là kết.

Trong giải thích có ba:

1/ Nói về tu nhân có nhiều người thành Phật, cũng phần nhiều chứng có nhiều vị Phật.

2/ "Lại, ở mười phương hiện có v.v... " trở xuống là nói trong một cõi không có hai vị Phật đồng ra đời, là chứng minh có nhiều vị Phật.

3/ "Lại không nên nói v.v... " trở xuống, là phá chấp đồng thời tu nhân, theo thứ lớp thành Phật và không thành Phật.

Trong phần trước nói rằng đối với phần như thế luận Địa Trì nói: "Oai-nghi như thế, ở đây gọi là phần. Lại, nếu lúc bốn oai-nghi kia riêng biệng thì gọi là phần, cũng có thể là sáu thời phần kia".

Kế là, nói: "Lại, ở mười phương, cho đến người nhất thời thành Phật. Nay, ý ở đây nói là có người tu tư-lương Bồ-đề trong nhất thời viên mãn, đa số là các Bồ-tát. Nếu không một lúc thành Phật ở thế giới khác mà ở một thế giới, là không đúng. Vì phá chấp của Tiểu-thừa nên nói là không có Phật mười phương. Ý của đoạn văn dưới đây nói: "Nếu đều trụ ở Đỗ-Sử kế là thứ lớp thành Phật và không thành Phật là không đúng". Trong đây có vấn nạn: "Như một lúc phát nguyện, nhất thời viên mãn, chúng sinh ở một thế giới một Đức Phật, chúng sinh nhất thời, căn cơ thành thục, làm sao hiểu được?"

Nghĩa là không có việc này, nếu vậy, thì Bồ-tát Di-Lặc, đức Thích-ca, chúng-sinh hãy còn có trước, sau, căn cơ thành-thục mà không đồng nhau, huống chi nhất thời, chúng sinh căn cơ thành-thục đồng ở một cõi?"

"Cho nên, phải biết rằng v.v... " trở xuống là thứ ba, kết.

"Do lý này." Trở xuống, là đoạn văn thứ ba trong đoạn lớn thứ hai, văn kết có nhiều Phật.

Trong ý nói về một cõi không có hai Đức Phật.

1/ Lược nói một cõi không có hai Đức Phật.

2/ Hỏi đáp, nói rộng.

Trong đáp có ba:

1/ Nêu tùy theo lời nguyện xưa: không có hai Đức Phật cùng lúc ra đời.

2/ Nói về Đức Phật thứ hai ra đời, lẽ ra không có lợi ích.

3/ Nói về một Đức Phật ra đời, thì lợi ích; nhiều Phật ra đời, thì tổn hại.

Từ đây trở xuống, là thứ năm, y cứ vào đức khác nhau v.v... để nói về Bồ-đề. Trước nói về thật đức, tức đồng. Kế là, nói về tướng hóa có khác nhau. Sau là nói về chuyển y thân nữ có khả năng chứng Bồ-đề." Hỏi: Nếu nói thân nữ không chứng Bồ-đề, thì vì sao kinh Pháp Hoa nói: "Long nữ thành Phật v.v... ", làm sao hiểu được?"

Nghĩa là: "Nhưng Long nữ kia cũng biến thành người nam, sau đó mới thành Phật, chứ chẳng phải ngay thân nữ mà thành Phật được."

Từ trên đến đây là năm đoạn, nói chung thứ nhất, là nêu thể Bồ- đề. Từ đây trở xuống, là thứ hai, kết các thuyết rất dễ hiểu. Thứ ba, trong ba câu khen ngợi, gồm nêu:

Ba thứ vượt hơn:

a- Thể vượt hơn,vì vượt qua đạo Tầm, Tư.

b- Đức vượt hơn, vì mọi đức đã nhóm họp thành. c- Dụng vượt hơn, vì sinh ra Bồ-đề của Ba thừa. Lại dùng bốn Danh để kết ngợi khen.